

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐINH SÓNG HẢI

**CÁC HÌNH THỨC ĐỒNG PHẠM
TRONG LƯỚI HÌNH SỰ VIỨT NAM**
(trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hà Giang)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ LAN CHI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
*Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016***

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC HÌNH THỨC ĐỒNG PHẠM	6
1.1. Khái niệm đồng phạm, hình thức đồng phạm	6
1.1.1. Khái niệm đồng phạm	6
1.1.2. Khái niệm hình thức đồng phạm.....	11
1.2. Ý nghĩa, cơ sở phân loại, nội dung phân loại các hình thức đồng phạm ... 16	
1.2.1. Ý nghĩa, cơ sở phân loại các hình thức đồng phạm.....	16
1.2.2. Nội dung phân loại các hình thức đồng phạm	19
1.3. Đồng phạm và các hình thức đồng phạm theo pháp luật quốc tế	40
Tiểu kết Chương 1	45
Chương 2: THỰC TIỄN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC HÌNH THỨC ĐỒNG PHẠM TẠI TỈNH HÀ GIANG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG	46
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 về các hình thức đồng phạm	46
2.2. Thực tiễn giải quyết vụ án hình sự và một số tồn tại vướng mắc đối với việc xác định các hình thức đồng phạm tại tỉnh Hà Giang	55
2.2.1. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hà Giang.....	55
2.2.2. Một số tồn tại trong việc xác định các hình thức đồng phạm và nguyên nhân	60
2.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về các hình thức đồng phạm	71
2.3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các hình thức đồng phạm	71
2.3.2. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm về các hình thức đồng phạm	79
Tiểu kết Chương 2	82
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	85

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng phạm là hình thức phạm tội “đặc biệt”, đòi hỏi những điều kiện riêng, khác với những trường hợp phạm tội riêng lẻ (về số lượng người tham gia phạm tội, mối liên hệ giữa các đối tượng trong cùng vụ án cũng như tội phạm mà cả nhóm hướng tới thực hiện). So với tội phạm do một người thực hiện, đồng phạm thường nguy hiểm hơn, vì khi một nhóm người cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ tăng lên đáng kể, nhất là khi có sự câu kết chặt chẽ về tổ chức và cách thức thực hiện, phát triển thành “phạm tội có tổ chức”, do đó việc xác định trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm có một số điểm khác với những trường hợp phạm tội riêng lẻ.

Tuy vậy, thực tiễn công tác điều tra, truy tố và xét xử cho thấy nhận thức về đồng phạm nói chung và hình thức đồng phạm nói riêng hiện nay chưa được thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, vẫn còn nhiều quan điểm và ý kiến trái ngược nhau. Những ý kiến khác nhau này đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trên địa bàn tỉnh Hà Giang, do nhận thức về bản chất pháp lý của các hình thức đồng phạm còn hạn chế nên việc phân định giữa đồng phạm thường và đồng phạm có tổ chức còn chưa thống nhất, ảnh hưởng đến công tác xét xử của một số Tòa án tại tỉnh Hà Giang. Đồng phạm có thông mưu trước là phạm tội có tổ chức hoặc ngược lại. Có những bản án tuy không có dấu hiệu sai phạm về mặt áp dụng pháp luật, nhưng việc quy định chưa rõ ràng về tình tiết phạm tội có tổ chức tại khoản 3 Điều 20 phần Chung Bộ luật hình sự (BLHS) đã dẫn tới nhận định một số bản án chưa làm rõ được nhận định “tính có tổ chức”, tính “câu kết chặt chẽ” theo tinh thần điều luật quy định về phạm tội có tổ chức, cũng như trong nhiều trường hợp chưa phân định rõ được vai trò trong các vụ án phạm tội có tổ chức. Việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhiều khi bị đánh đồng, chưa lượng hóa được hình phạt phù hợp với vai trò và các tình tiết của vụ án đối với từng bị cáo.

Những vấn đề nêu trên là lý do để nghiên cứu đề tài ***“Các hình thức đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam” (trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hà Giang)***. Việc nghiên cứu đề tài này là quan trọng và cần thiết để hoàn thiện và áp dụng đúng pháp luật hình sự nhằm bảo đảm xét xử vụ án hình sự được nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2. Tình hình nghiên cứu

Đồng phạm cũng như phạm tội có tổ chức là những vấn đề có tính phức

tạp cả về lý luận và thực tiễn, trong thời gian đã qua được các luật gia ít nhiều đề cập đến trong những công trình nghiên cứu của mình dưới góc độ luật hình sự, tội phạm học hoặc xã hội học pháp luật. Có nhiều nghiên cứu về đồng phạm được công bố trên các sách, tạp chí, luận văn luận án. Nhưng tựu chung lại thì các nghiên cứu chủ yếu theo ba xu hướng đó là: tiếp cận dưới góc độ tội phạm học, luật hình sự và theo sự xuất hiện các vấn đề mới của xã hội. Dưới góc độ khoa học luật hình sự đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu về phạm tội có tổ chức như một số công trình tiêu biểu của các tác giả như: GS.TSKH Lê Cẩm với hệ thống sách chuyên khảo “*Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung BLHS*” (NXB Công an nhân dân, 2000) đã đề cập đến chế định đồng phạm trong đó có nói đến phạm tội có tổ chức, “*Đồng phạm trong luật Hình sự Việt Nam*” của TS. Trần Quang Tiếp (NXB Tư pháp, 2007) với nội dung trình bày về khái niệm đồng phạm, các loại người đồng phạm, các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Mặt khác, có một số bài viết, đề tài tập trung phân tích trường hợp phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam, chẳng hạn như “*Phạm tội có tổ chức và trách nhiệm hình sự đối với bọn phạm tội có tổ chức*” của tác giả Nguyễn Vạn Nguyên, hay đề tài luận văn cao học của Nguyễn Minh Đức “*Hình thức phạm tội có tổ chức trong chế định đồng phạm theo pháp luật Hình sự Việt Nam*” năm 1997. Tiếp cận ở góc độ tội phạm học là một số bài viết của các tác giả nói về đồng phạm có tổ chức như: “*Vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm hình sự pháp nhân trong sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999*” của GS.TS. Hồ Trọng Ngũ đăng trên tạp chí Lập pháp số 6/2009, bài nghiên cứu “*Đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức và tội phạm xuyên quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế*” của PGS.TS Trần Hữu Ứng đăng trên tạp chí Cộng sản điện tử. Một số bài viết của TS.Nguyễn Khắc Hải: “*Đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức theo pháp luật hình sự Liên bang Nga*” trong tạp chí Khoa học – ĐHQG Hà Nội số 23/2007, “*Nhận diện tội phạm có tổ chức*” (Kỷ yếu hội thảo khoa học về sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999) đã củng cố thêm những nhận thức cơ bản trong việc tìm hiểu về đồng phạm có tổ chức. Thêm vào đó, còn có các công trình như “*Tội phạm có tổ chức – lịch sử và vấn đề hôm nay*” của GS.TS.Hồ Trọng Ngũ trả lời cho câu hỏi: “*tội phạm có tổ chức – nhận thức mới hay hiện tượng xã hội mới?*”, bài viết “*Tội phạm có tổ chức và việc bổ sung chế định tổ chức tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam*” của TS.Lê Thị Sơn trong tạp chí Luật học số 12/2012, đề tài luận án của Nguyễn Trung Thành “*Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu*

tranh phòng chống” năm 2002 đề cập chi tiết đến trường hợp đồng phạm có tổ chức ở cả góc độ khoa học luật hình sự và tội phạm học.

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã đề cập trên một số góc độ về trường hợp phạm tội có tổ chức, nhưng phạm tội có tổ chức chỉ là một trong các hình thức đồng phạm. Nghiên cứu chuyên sâu về hình thức đồng phạm vẫn đang là một vấn đề còn bỏ ngỏ chưa thật sự được quan tâm trong khoa học luật hình sự. Vì thế, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về hình thức đồng phạm vẫn đang là điều cần được nghiên cứu để sửa đổi, và hoàn thiện.

3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là vấn đề các hình thức đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam, phạm vi nghiên cứu thực tiễn của đề tài giới hạn trên địa bàn tỉnh Hà Giang và thời gian là 5 năm gần đây (2011-2014).

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Từ việc phân tích những vấn đề lý luận về các hình thức đồng phạm, với các thông tin thực xét xử trên địa bàn tỉnh Hà Giang, luận văn đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự về các hình thức đồng phạm và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này.

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra những nhiệm vụ sau cần giải quyết:

- Đưa ra khái niệm, cơ sở, ý nghĩa phân loại các hình thức đồng phạm;
- Xác định các nội dung phân loại hình thức đồng phạm;
- Nghiên cứu quy định của pháp luật về các hình thức đồng phạm;
- Nghiên cứu thực tiễn xét xử và xác định những tồn tại vướng mắc đối với việc xác định các hình thức đồng phạm tại tỉnh Hà Giang, nguyên nhân và từ đó đưa ra giải pháp, biện pháp khắc phục.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận được sử dụng để làm sáng tỏ các vấn đề được đặt ra trong nghiên cứu là: phép biện chứng duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Từ đó trong quá trình nghiên cứu tác giả sử dụng các phương pháp phân tích – chứng minh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp lịch sử, liệt kê... Đặc biệt tác giả nhấn mạnh chú ý tới các phương pháp tổng hợp – hệ thống, đối chiếu so sánh, lịch sử phân tích, thống kê, khảo sát thực tiễn, phương pháp xã hội học... để đưa ra được những kết luận khoa học, đề xuất các phương án cụ thể sao cho phù hợp nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự có liên quan đến các hình thức đồng phạm.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận văn

Luận văn có những đóng góp mới trong việc nghiên cứu, cụ thể là:

- a. Góp phần làm sáng tỏ một cách hệ thống và toàn diện một số vấn đề lý luận về các hình thức đồng phạm;
- b. Làm rõ thực tiễn xét xử và một số tồn tại vướng mắc đối với việc xác định các hình thức đồng phạm tại tỉnh Hà Giang;
- c. Đưa ra một số đề xuất hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về các hình thức đồng phạm và một số giải pháp nâng cao hiệu quả các quy định này.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm có phần mở đầu, 2 chương, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC HÌNH THỨC ĐỒNG PHẠM

1.1. Khái niệm đồng phạm, hình thức đồng phạm

1.1.1. Khái niệm đồng phạm

Tội phạm trên thực tế được thực hiện bởi một hoặc nhiều người. Khi tội phạm do nhiều người thực hiện có thể có đồng phạm, hoặc có thể không có đồng phạm tùy vào quy định của Bộ luật hình sự của từng nước. Nhiều người thực hiện tội phạm có thể là đồng phạm cũng có thể chỉ là trường hợp những người thực hiện tội phạm đã hành động trong sự độc lập hoàn toàn với nhau. Vậy khi nào có đồng phạm, khi nào không có đồng phạm? Việc trả lời câu hỏi pháp lý hình sự này phụ thuộc vào nhận thức, quan niệm về đồng phạm trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Phạm vi đồng phạm không những bao gồm người khởi xướng, kẻ chủ mưu, người a tòng, thủ phạm, tòng phạm, kẻ đồng mưu, kẻ xúi giục mà còn bao gồm cả những người liên quan đến tội phạm: "*Những kẻ mưu phản nước theo giặc thì xử chém, nếu đã hành động thì xử tội bêu đầu, kẻ biết việc ấy thì cũng đồng tội*" (Điều 412).

Tóm lại, từ những phân tích trên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, chúng tôi cho rằng, có thể đưa ra khái niệm về đồng phạm như sau: "*Đồng phạm là hình thức phạm tội do hai người trở lên cố ý cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm*".

1.1.2. Khái niệm hình thức đồng phạm

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nội dung và hình thức có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đồng phạm, nội dung đồng phạm và hình thức đồng phạm bao giờ cũng là một thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại nhau. Nội dung của đồng phạm là tất cả các mặt, các yếu tố, các quá trình tạo nên sự cố ý cùng tham gia thực hiện tội phạm. Hình thức đồng phạm là phương thức tồn tại và vận động của đồng phạm, thể hiện mối quan hệ liên kết, tương tác, tương hỗ giữa những người đồng phạm trong quá trình thực hiện tội phạm, có thể từ khi lên kế hoạch, chuẩn bị phạm tội đến khi triển khai hành vi phạm tội, tội phạm kết thúc và che dấu sự việc phạm tội, người phạm tội. Từ phương pháp luận của phép biện chứng duy vật về mối quan hệ giữa cặp phạm trù nội dung và hình thức, có thể khẳng định bất cứ một nội dung đồng phạm nào cũng tồn tại trong một hình thức đồng phạm nhất định và ngược lại không có một hình thức đồng phạm nào lại không chứa đựng nội dung đồng phạm nhất định. Hình thức đồng phạm do nội dung đồng phạm quyết định tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện. Vì vậy, hình thức đồng phạm cũng chịu sự quy định của tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà những người đồng phạm thực hiện, phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà những người đồng phạm thực hiện. Mặt khác, hình thức đồng phạm có tính độc lập tương đối và tác động trở lại nội dung đồng phạm, có ảnh hưởng nhất định đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà những người đồng phạm thực hiện.

Như vậy, có thể hiểu *“hình thức đồng phạm là sự thể hiện mối quan hệ giữa những người đồng phạm qua mức độ phối hợp và phân công việc thực hiện hành vi đồng phạm”*.

1.2. Ý nghĩa, cơ sở phân loại, nội dung phân loại các hình thức đồng phạm

1.2.1. Ý nghĩa, cơ sở phân loại các hình thức đồng phạm

Trong đồng phạm, những người phạm tội có mối liên kết để thực hiện hoạt động phạm tội, với nhiều trường hợp diễn ra rất phức tạp, đa dạng. Trên cơ sở xác định đúng hình thức đồng phạm, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử sẽ nhận diện được đầy đủ hơn, chính xác hơn mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm. Để xác định đúng hình thức đồng phạm, cần có sự phân loại các hình thức đồng phạm. Bởi lẽ, cơ sở để phân loại các hình thức đồng phạm là căn cứ phản ánh tính chất, mức độ quan hệ liên kết trong đồng phạm khi những người đồng phạm chia sẻ ý định phạm tội, kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội. Vì vậy, việc phân loại các hình thức đồng phạm là phương pháp để nhận thức đúng

các hình thức đồng phạm. Hình thức đồng phạm cũng như bất kỳ một hình thức nào đều phải dựa trên những căn cứ phân loại nhất định.

Có cách phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ cùng tham gia của những người phạm tội. Theo quan điểm này, các hình thức đồng phạm được phân chia thành 3 hình thức: phạm tội không có thông mưu trước (đồng phạm đơn giản), phạm tội có thông mưu trước (đồng phạm phức tạp) và phạm tội có tổ chức (đồng phạm phức tạp). Theo GS.TSKH. Lê Cẩm:

Phạm tội không có thông mưu trước là hình thức đồng phạm đơn giản và có sự cấu kết không chặt chẽ của những người cùng thực hiện tội phạm; còn phạm tội có thông mưu trước là hình thức đồng phạm phức tạp và có sự cấu kết tương đối chặt chẽ của những người cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm.

Chúng tôi cho rằng phân loại theo căn cứ nào là hợp lý phụ thuộc vào cách tiếp cận của người phân loại. Nhưng dù là căn cứ gì thì nó cũng phải là sự phản ánh tính chất, mức độ quan hệ liên kết trong quá trình thực hiện hành vi đồng phạm. Việc phân loại các hình thức đồng phạm không có mục đích tự thân, tức là việc phân loại các hình thức đồng phạm phải đạt được mục đích là đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hình thức đồng phạm, để phục vụ việc xây dựng các chế định Phần chung như chế định đồng phạm, các chế định có liên quan và các quy định của Phần các tội phạm luật hình sự.

1.2.2. Nội dung phân loại các hình thức đồng phạm

**** Đồng phạm giản đơn (đồng phạm đồng thực hành)***

Khoa học luật hình sự Việt Nam cũng từng có quan điểm tương tự khi đưa ra khái niệm: "*Đồng phạm giản đơn là hình thức đồng phạm, trong đó những người cùng tham gia vào vụ phạm tội đều có vai trò là người thực hành*".

Ở hình thức đồng phạm này, mỗi người đồng phạm đều thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành của tội phạm thuộc điều luật thuộc phần các tội phạm của BLHS. Dấu hiệu cơ bản để phân biệt đồng phạm giản đơn và đồng phạm có một người thực hành là mỗi người đồng thực hành có thể thực hiện một phần hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm, nhưng tổng hợp hành vi của những người đồng thực hành thỏa mãn dấu hiệu khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm, thì tội phạm do những người đồng thực hành thực hiện vẫn được coi là tội phạm hoàn thành, đó là điều không có ở hình thức đồng phạm chỉ có một người thực hành. Đối với những tội phạm luật quy định chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, thì tất cả những người đồng thực hành phải có đầy đủ các dấu hiệu của chủ thể đặc biệt. Đồng phạm giản đơn còn có đặc điểm đặc trưng là thời gian, địa điểm phạm tội của những người

đồng thực hành trùng hợp nhau. Khi định tội danh đối với hành vi của những người đồng phạm ở hình thức đồng phạm đồng thực hành, phải căn cứ vào điều luật tương ứng thuộc phần các tội phạm của BLHS và điều luật quy định đồng phạm thuộc phần chung của Bộ luật.

** Đồng phạm phức tạp*

Giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội cũng đưa ra khái niệm tương tự: "*Đồng phạm phức tạp là hình thức đồng phạm, trong đó có một hoặc một số người tham gia giữ vai trò người thực hành, còn những người đồng phạm khác giữ vai trò xúi giục, tổ chức hay giúp sức*".

Ở hình thức đồng phạm phức tạp, hành vi phạm tội của những người đồng phạm không những khác nhau ở nội dung phạm tội và hình thức biểu hiện, mà còn có thể khác nhau về thời gian, địa điểm phạm tội. Phần lớn các hình thức đồng phạm phức tạp có thông mưu trước, bởi lẽ hành vi tổ chức, hành vi xúi giục, hành vi giúp sức thường được tiến hành trước thời điểm người thực hành thực hiện hành vi phạm tội. Sự thỏa thuận giữa những người đồng phạm ở hình thức đồng phạm này có thể trước thời điểm thực hiện tội phạm một thời gian dài, cũng có thể ngay trước thời điểm thực hiện tội phạm. Sự khác nhau cơ bản giữa đồng phạm phức tạp và đồng phạm giản đơn thể hiện ở chỗ, trong đồng phạm phức tạp chỉ có một hoặc một số người đồng phạm thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, còn trong đồng phạm giản đơn thì tất cả những người đồng phạm đều thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm.

** Đồng phạm không có thông mưu trước*

Hiện nay, đồng phạm không có thông mưu trước được hiểu là hình thức đồng phạm mà những người đồng phạm không có bàn bạc, trao đổi trước với nhau về việc thực hiện tội phạm.

Ở hình thức đồng phạm này, mối liên hệ về mặt chủ quan giữa những người đồng phạm ở mức thấp nhất, chỉ giới hạn ở nhận thức của một người đồng phạm về việc tham gia hoạt động phạm tội của những người đồng phạm khác thường là vào thời điểm bắt đầu thực hiện tội phạm hoặc trong quá trình thực hiện tội phạm. Lý do đó không cho phép những người đồng phạm chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, phối hợp chặt chẽ với nhau cũng như áp dụng các biện pháp che dấu, xóa dấu vết của tội phạm như đồng phạm có thông mưu trước.

** Đồng phạm có thông mưu trước*

Đồng phạm có thông mưu trước được đề cập đầu tiên trong Quốc triều hình luật tại Điều 454: "*Những kẻ cùng mưu với nhau đi ăn cướp, nhưng khi đi*

thì lại không đi, người đi lấy được của về chia nhau, mà kẻ đồng mưu ở nhà cũng lấy phần chia, thì cũng xử tội như là có đi ăn cướp (ăn trộm cũng vậy). Nếu không lấy phần chia thì xử lưu đi châu gần".

Như vậy có thể hiểu, đồng phạm có thông mưu trước là hình thức phạm tội, trong đó những người đồng phạm có sự thỏa thuận, bàn bạc trước với nhau về hoạt động phạm tội chung trước khi thực hiện tội phạm.

** Phạm tội có tổ chức và vấn đề tổ chức tội phạm*

Trong các hình thức đồng phạm có thông mưu trước, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước đặc biệt. Bên cạnh đặc điểm những người đồng phạm phải có sự thỏa thuận, bàn bạc với nhau về hoạt động phạm tội chung trước khi thực hiện tội phạm, phạm tội có tổ chức đòi hỏi mối quan hệ giữa những người đồng phạm phải là mối quan hệ có tổ chức. Cấp độ tổ chức càng chặt chẽ, càng mang tính hệ thống, thì mức độ tính nguy hiểm của đồng phạm có tổ chức càng cao.

Loại quan điểm thứ nhất cho rằng, phạm tội có tổ chức dứt khoát phải là hình thức đồng phạm phức tạp, tức là phải có sự phân công vai trò giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Nếu giữa những người phạm tội đều có vai trò thực hiện tội phạm như nhau thì đó là đồng phạm giản đơn chứ không phải là phạm tội có tổ chức.

- Nhóm tội phạm trước hết phải có thông mưu trước, ngoài sự bàn bạc thỏa thuận trước về việc cùng thực hiện tội phạm, những người đồng phạm thường chuẩn bị thực hiện và che dấu tội phạm một cách kỹ lưỡng với phương pháp, thủ đoạn thường tinh vi, xảo quyệt.

- Nhóm tội phạm được hình thành với phương hướng hoạt động có tính chất lâu dài, bền vững, thường có sự phân công vai trò thực hiện tội phạm khác nhau giữa những người đồng phạm nhằm thực hiện nhiều tội, phạm tội nhiều lần.

- Nhóm tội phạm ngoài ý đồ phạm tội thống nhất, phải có sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm chịu sự điều hành chung thống nhất, đều thừa nhận và sử dụng nhóm phạm tội như là một công cụ trong hoạt động phạm tội của mình.

* Trong các nhóm tội phạm, tổ chức tội phạm có tính nguy hiểm nhất, bởi lẽ những thành viên của tổ chức tội phạm không chỉ thỏa thuận với nhau về việc cùng tham gia thực hiện tội phạm mà còn thống nhất hình thành những hình thức tổ chức bất hợp pháp bền vững, chặt chẽ.

Như vậy, theo quy định của hai bộ luật hình sự nói trên, bất cứ hành vi

tham gia một tổ chức tội phạm nào đều phải chịu trách nhiệm hình sự, kể cả ở giai đoạn mới bàn bạc để chuẩn bị phạm tội.

Sau Cách mạng Tháng tám, Sắc lệnh số 133-SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội phạm đến an toàn nhà nước, đối nội và đối ngoại; Sắc lệnh số 151-SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật; Sắc lệnh số 267-SL ngày 15/6/1956 trừng trị những âm mưu và hành vi phá hoại tài sản Nhà nước của hợp tác xã, nhân dân và cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch nhà nước đều đã đề cập đến những tổ chức, những đảng phái phản động để chống Chính phủ, phá hoại kháng chiến; tổ chức quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; phản bội tổ quốc, hay tổ chức phá hoại nhưng chưa đưa ra khái niệm chung về tổ chức phản động.

Có thể đưa ra khái niệm tổ chức tội phạm như sau: *“Tổ chức tội phạm là một tập hợp người có sự liên kết, phân công, phối hợp hoạt động với nhau do một hoặc một số cá nhân thành lập, điều khiển một cách có kế hoạch nhằm thực hiện một hoặc nhiều tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”*.

- Tổ chức tội phạm được thành lập với mục đích để thực hiện một hoặc nhiều tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Với đặc trưng này tập hợp người được lập ra để thực hiện những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng thì không được coi là tổ chức tội phạm.

- Tổ chức tội phạm được cấu kết theo kiểu phân công vai trò giữa các thành viên, và vì vậy để đạt được mục đích phạm tội nói trên, các thành viên cùng nhau phối hợp điều chỉnh sự đóng góp cá nhân vào hậu quả phạm tội chung. Đặc trưng này dễ dàng phân biệt với đồng phạm phạm tội có tổ chức, vì đồng phạm có tổ chức bao gồm cả trường hợp phân công vai trò rõ ràng, cả trường hợp phân công vai trò không dứt khoát, rõ ràng.

- Tổ chức tội phạm luôn chịu sự điều hành của một nhóm thủ lĩnh. Chính nhóm thủ lĩnh này đảm bảo sự phối hợp hoạt động phạm tội của các thành viên và hướng các hoạt động này đến mục đích của tổ chức phạm tội. So sánh với đồng phạm có tổ chức chúng ta thấy, ở đồng phạm có tổ chức đặc trưng này biểu hiện ở mức độ thấp, tức là có thể có một hoặc một vài tên đóng vai trò người tổ chức hoặc vai trò người tổ chức không rõ ràng.

Ở khái niệm này, tội phạm có tổ chức được xác định là tội phạm nghiêm trọng mà theo quy định tại Điều 8 BLHS tội phạm phải được hiểu là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Rõ ràng, cách hiểu như vậy là máy móc, chưa làm rõ được những đặc trưng bản chất của đối tượng cần nghiên cứu tội phạm có tổ chức.

Trường hợp thứ hai, tổ chức tội phạm là một tổ chức phi pháp được thành lập với mục đích để thực hiện tội phạm. Vì vậy, hành vi thành lập hay tham gia tổ chức tội phạm mang tính nguy hiểm cho xã hội cao, cần phải được pháp luật hình sự thừa nhận là tội phạm bất kể tổ chức này đã thực hiện tội phạm hay chưa thực hiện tội phạm. Trường hợp tổ chức tội phạm chưa thực hiện tội phạm, thì hành vi thành lập, tham gia tổ chức tội phạm, bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm cũng thuộc khái niệm tội phạm có tổ chức.

Từ những phân tích trên cũng có thể cho rằng, tổ chức tội phạm chính là hệ thống những tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm có tổ chức hay những tội phạm được thực hiện do thành lập, tham gia các tổ chức tội phạm trong một khoảng thời gian, không gian nhất định.

1.3. Đồng phạm và các hình thức đồng phạm theo pháp luật quốc tế

Ngày nay, tình hình tội phạm ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung đang có xu hướng tăng cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới sự phát triển chung. Chúng ta không thể không nhắc đến tội phạm có tổ chức, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm có tính chất quốc tế đã và đang đe dọa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân loại, cũng như sự ổn định của mỗi quốc gia. Có thể nói tình hình tội phạm về ma túy, buôn bán phụ nữ - trẻ em, khủng bố đã được các nước trên thế giới bàn bạc, thảo luận, đánh giá rất nhiều. Song, những vấn đề này chưa bao giờ bức xúc như hiện nay, bởi lẽ những tội phạm này phát triển quá nhanh, quá mạnh và lan rộng. Thế giới sẽ đứng trước vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương, như các vấn đề về bảo vệ môi trường, hạn chế bùng nổ về dân số, đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo và đặc biệt là chống khủng bố và tội phạm quốc tế cùng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống khác. Trước tình hình này có rất nhiều công ước quốc tế đa phương và song phương quy định về các loại đồng phạm mà kể đến nhiều nhất là các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, liên quan đến hình thức đồng phạm.

Với định nghĩa này, tội phạm có tổ chức được xem xét là một tổ chức tội phạm - đồng phạm có tổ chức nhưng có cơ cấu tổ chức cao hơn, chặt chẽ, bền vững hơn so với phạm tội có tổ chức thông thường, không phải là một cá nhân đơn lẻ mà là một tập hợp các đối tượng có sự cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là “nhóm có tổ chức” nhất thiết phải là một tổ chức với sự ổn định và phát triển liên tục về thành viên, cũng không nhất thiết phải có sự phân công vai trò giữa những thành viên.

Như vậy, tùy theo sự lựa chọn của mỗi quốc gia thành viên các nhóm

người nói trên sẽ chịu trách nhiệm pháp lý (legal persons) theo những biện pháp cần thiết, có thể, phù hợp với những nguyên tắc luật pháp của mình, để quy định trách nhiệm pháp lý của nhóm khi thực hiện những tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức...

Quy chế Rome được 120 quốc gia bỏ phiếu thông qua vào ngày 17/7/1998 liên quan đến vấn đề Tòa án Hình sự quốc tế (ICC). Quy chế Rome cũng có quy định:

Người thực hành - thực hiện một mình, cùng người khác hay thông qua người khác; Người tổ chức - Ra lệnh việc thực hiện tội phạm bất kể thực tế đã hoàn thành hay phạm tội chưa đạt; Người xúi giục - dụ dỗ hoặc xúi giục việc thực hiện tội phạm; Người giúp sức - nhằm thúc đẩy việc phạm tội, đã giúp đỡ hoặc bằng cách khác, giúp đỡ cho việc phạm tội hoặc phạm tội đó chưa đạt, kể cả bằng việc cung cấp phương tiện cho việc thực hiện tội phạm đó.

Quy chế Rome không quy định về vấn đề hỗ trợ người phạm tội sau khi tội phạm đã hoàn thành. Trong quy chế không phân biệt rõ ràng trách nhiệm hình sự giữa chính phạm và tòng phạm, cũng không có quy định về việc giảm nhẹ hình phạt đối với người giúp sức hay giới hạn việc áp dụng TNHS đối với tòng phạm chỉ với các tội cố ý.

Đối với người thực hành, Quy chế đã xác định ba hình thức thực hiện tội phạm của người thực hành: Trực tiếp thực hiện tội phạm, điều khiển người khác (không có ý thức) thực hiện tội phạm và cùng người khác thực hiện tội phạm chung. Ngoài ra, trong thực tiễn giải quyết của Tòa án hình sự quốc tế, còn biết đến trường hợp người thực hành gián tiếp thực hiện tội phạm cùng người khác.

Bộ luật hình sự của Pháp thì quy định tại Điều 121.6 như sau: "*Người đồng phạm bị phạt như chính phạm*". Sẽ bị coi là đồng phạm khi mà người đó có ý thức giúp đỡ hoặc trợ lực, hay tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị hoặc thực hiện tội phạm. Hoặc một người dùng tặng vật, hứa hẹn, đe dọa, mệnh lệnh, lạm dụng thế lực hoặc quyền hành để xúi giục hoặc có chỉ dẫn để cho người khác thực hiện tội phạm cũng bị coi là đồng phạm.

Tiểu kết Chương 1

Tội phạm do một người thực hiện, cũng có thể do nhiều người thực hiện, khi tội phạm được thực hiện bởi nhiều người và hành động có sự liên hệ mật thiết, tác động lẫn nhau thì trường hợp đó được gọi là đồng phạm. Đồng phạm là hình thức phạm tội “đặc biệt”, đòi hỏi những điều kiện riêng, khác với những trường hợp phạm tội riêng lẻ (về số lượng người tham gia phạm tội, mối liên hệ

giữa các đối tượng trong cùng vụ án cũng như tội phạm mà cả nhóm hướng tới thực hiện). So với tội phạm do một người thực hiện, đồng phạm thường nguy hiểm hơn, vì khi một nhóm người cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ tăng lên đáng kể, nhất là khi có sự câu kết chặt chẽ về tổ chức và cách thức thực hiện, phát triển thành “phạm tội có tổ chức”, do đó việc xác định trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm có một số điểm khác với những trường hợp phạm tội riêng lẻ.

Trong khoa học luật hình sự, căn cứ vào các đặc điểm về mặt chủ quan và khách quan của tội phạm đồng phạm được chia ra nhiều hình thức: đồng phạm có thông mưu trước, đồng phạm không có thông mưu trước; đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp. Chỉ trên cơ sở nắm vững các hình thức đồng phạm, đặc điểm đồng phạm mới vận dụng tốt khi giải quyết vụ án. Tuy vậy, thực tiễn công tác điều tra, truy tố và xét xử cho thấy nhận thức về đồng phạm hiện nay chưa được thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, vẫn còn nhiều quan điểm và ý kiến trái ngược nhau. Những ý kiến khác nhau này đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đồng phạm không phải là tình tiết tăng nặng, cũng không phải là tình tiết định khung hình phạt, nhưng trong một số trường hợp, đồng phạm có ý nghĩa rất lớn đến việc xác định có dấu hiệu của tội phạm hay không. Việc xác định đồng phạm và các hình thức đồng phạm có ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn cả về lý luận và thực tiễn trong điều tra, truy tố, xét xử.

Chương 2

THỰC TIỄN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC HÌNH THỨC ĐỒNG PHẠM TẠI TỈNH HÀ GIANG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 về các hình thức đồng phạm

Chế định đồng phạm là một chế định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam. Xuất hiện ngay từ BLHS đầu tiên (Quốc triều Hình luật) và có quá trình hình thành phát triển lâu dài từ đó đến nay (BLHS 1999) chế định đồng phạm cùng với các quy định về tội phạm khác đã góp phần to lớn trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về đồng phạm như sau:

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

2. Người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức đều là những người đồng phạm.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

3. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

Đến năm 2015, trước các yêu cầu của thực tiễn xã hội và tình hình tội phạm, cụ thể hóa nội dung của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung. Điều 17 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015 quy định về đồng phạm như sau:

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

Như vậy, ngoài việc đảo khoản 3 lên khoản 2 của điều luật, Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015 còn có thêm một khoản quy định về trách nhiệm hình sự đối với hành vi vượt quá của người thực hành. Tuy nhiên, về mặt lập pháp hình sự, chế định đồng phạm hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm nói riêng, bởi lẽ các quy phạm pháp luật trong BLHS

1999 quy định về đồng phạm còn thiếu, nhiều điều luật hiện hành về đồng phạm quy định rải rác ở nhiều chương, các văn bản giải thích luật cũng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn...

Chúng tôi tập trung phân tích các quy định về đồng phạm và hình thức đồng phạm của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015 như sau:

** Khái niệm đồng phạm*

Điều 20 BLHS 1999 quy định: "*Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*".

Khái niệm này được sửa đổi, bổ sung so với Điều 17 BLHS năm 1985 song vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi. Theo logic, đồng phạm là một hình thức phạm tội bên cạnh hình thức phạm tội đơn lẻ do một người thực hiện hoặc do nhiều người thực hiện nhưng không có đồng phạm. Do vậy, nên thay từ "trường hợp" bằng từ "hình thức tội phạm" thì thuật ngữ sẽ mang tính pháp lý hơn.

** Khái niệm người đồng phạm, các loại người đồng phạm*

Khoản 2 Điều 20 BLHS 1999 quy định:

Người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức đều là những người đồng phạm.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

- Về khái niệm cụ thể các loại người đồng phạm tại đoạn 2 khoản 2 Điều 20 BLHS cho thấy: Đối với khái niệm người tổ chức, luật không mô tả vai trò, tính chất hành vi của họ mà dựa trên khái niệm khác là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy do vậy vẫn cần phải giải thích như thế nào thì được coi là người chủ mưu, người cầm đầu, người chỉ huy? Báo cáo công tác trấn áp phản cách mạng tại hội nghị tổng kết ngành Tòa án năm 1986, Tòa án nhân dân tối cao đã phân biệt sự khác nhau giữa người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy. Song cũng từ hướng dẫn đối với loại tội phạm cụ thể này đã đưa đến nhận thức cho rằng khái niệm người chủ mưu, người cầm đầu, người chỉ huy chỉ xuất hiện trong các vụ án phản cách mạng, chống phá chính quyền... còn những tội phạm khác không xuất hiện loại người này. Trên thực tế, đồng phạm xuất hiện ở tất cả các loại tội phạm. Cho đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức rõ khái niệm này, song xuất

phát từ hướng dẫn trên mà khoa học Luật hình sự đã đưa ra khái niệm người tổ chức gồm ba loại người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy.

Như vậy chỉ với những quy định rải rác trên chúng ta phải hiểu đường lối xét xử đối với người thực hành, người xúi giục (trừ trường hợp xúi giục vị thành niên) người giúp sức về cơ bản không có gì khác so với những trường hợp phạm tội riêng lẻ khác. Cá biệt đối với một số trường hợp phạm tội cụ thể (hiếp dâm, cưỡng dâm...) họ sẽ phải áp dụng tình tiết tăng nặng định khung do tính chất đồng phạm, tính chất của loại tội phạm cụ thể.

Tóm lại: Đồng phạm là một chế định lớn và phức tạp trong Bộ luật Hình sự. Việc áp dụng các quy định của BLHS đối với những vụ việc có đồng phạm cần có cái nhìn tổng quát, sâu rộng thì mới có thể tránh được những sai lầm, phiến diện. Cùng với sự phát triển của khoa học Luật hình sự thì chế định đồng phạm cũng đang được hoàn thiện. Tuy vậy, cần phải khẳng định rằng các quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự hiện nay còn thiếu, một số quy định đã có thì còn có điểm chưa thống nhất trong nhận thức và nằm rải rác ở nhiều chương. Cần phải nhanh chóng xây dựng thêm các quy định trong Bộ luật Hình sự về đồng phạm làm cơ sở pháp lý vận dụng trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử.

2.2. Thực tiễn giải quyết vụ án hình sự và một số tồn tại vướng mắc đối với việc xác định các hình thức đồng phạm tại tỉnh Hà Giang

2.2.1. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Hà Giang là tỉnh miền núi cao nằm ở cực bắc tổ quốc, phía Bắc giáp các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây – Trung Quốc, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai. Diện tích tự nhiên là 7.884,37 km².

Dân số tỉnh Hà Giang theo điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2009 là 724.537 người. Trong đó dân số thành thị là 84.338 người. Các dân tộc: Mông (chiếm 32,0% tổng dân số toàn tỉnh, Tày (23,3%), Dao (15,1%), Việt (13,3%), Nùng (9,9%)... Hà Giang với dải núi cao Tây Côn Lĩnh và cao nguyên Đồng Văn đã tạo nên địa hình cao dần về phía Tây Bắc, thấp dần về phía Đông Nam. Địa hình chia cắt thành các tiểu vùng mang đặc điểm khác nhau về độ cao, thời tiết khí hậu. Hà Giang được thiên nhiên ưu đãi với nền văn hoá lâu đời thuộc niên đại đồ đồng Đông Sơn, có các di tích người tiền sử ở Bắc Mê, Mèo Vạc.

Theo báo cáo của Công an tỉnh Hà Giang, trong 5 năm gần đây (2010 - 2014) tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang vẫn có những diễn biến phức tạp, song từng bước giảm về số vụ, số đối tượng vi phạm. Theo

số liệu của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, số vụ án và số bị cáo được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hà Giang thụ lý, xét xử cơ bản ổn định.

Theo báo cáo của Công an tỉnh Hà Giang, trong khoảng thời gian nêu trên, toàn tỉnh xảy ra 1.526 vụ, phát hiện 3.090 đối tượng phạm pháp hình sự. Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý 1.528 vụ/3.087 đối tượng. Về tai nạn, tệ nạn xã hội xảy ra 303 vụ trên tổng số 226 người chết. Tai nạn giao thông xảy ra 89 vụ, làm chết 74 người, bị thương 85 người, so với thời gian trước giảm 31 vụ, giảm 27 người chết, giảm 28 người bị thương.

Từ năm 2010 đến 2014 có 152 vụ/ 195 bị cáo được đưa ra xét xử phúc thẩm và đều được tòa án phúc thẩm tỉnh thụ lý và giải quyết.

Số vụ án tồn đọng vẫn còn, tuy nhiên từ năm 2013 trở về đây số vụ tồn đọng chưa được giải quyết có chiều hướng giảm (Năm 2014 còn tồn 3 vụ/9 bị cáo).

1. Các vụ án có đồng phạm chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng số các vụ án đã xét xử của Tòa án, đa số các vụ cho thấy đa số các tội phạm có thông mưu trước, tập trung vào các vụ án: cố gây thương tích, trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, các tội phạm về ma túy, một số tội giết người, mua bán người, tội phạm tham nhũng, tội buôn lậu.

2. Trong 50 vụ, có 12 vụ có đồng phạm giản đơn, tập trung vào các loại tội gây rối trật tự công cộng, tối cố ý gây thương tích, hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, tội giết người, tội chống người thi hành công vụ. Đây thường là những trường hợp phạm tội có đồng phạm có ít hoặc không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Sự cấu kết giữa những người phạm tội là không đáng kể, chỉ dừng ở việc mỗi người đồng phạm chỉ biết về hành động phạm tội của một hay nhiều người khác tại thời điểm bắt đầu thực hiện tội phạm hay trong quá trình thực hiện tội phạm.

2.2.2. Một số tồn tại trong việc xác định các hình thức đồng phạm và nguyên nhân

Trong 50 vụ án hình sự được phân loại có đồng phạm được tác giả nghiên cứu theo phương pháp ngẫu nhiên trong 5 năm, đa số các vụ này thỏa mãn các dấu hiệu khách quan và chủ quan của đồng phạm.

Đa số các vụ án được Tòa án nhân dân hai cấp xác định đúng hình thức đồng phạm.

Tuy nhiên, do không nắm vững những dấu hiệu của đồng phạm, còn có bản án còn mắc phải sai lầm khi xét xử trong việc nhận định đúng đồng phạm và hình thức đồng phạm cụ thể

Một vấn đề thực tiễn khác là trong các vụ án đồng phạm thì việc phân loại

và tính số đồng phạm thực hiện tội phạm không có thông mưu trước và có thông mưu trước gặp khó khăn. Nhiều bản án chỉ nhận định rằng: bọn chúng rủ nhau phạm tội hoặc bọn chúng bàn nhau song không nêu rõ nội dung bàn bạc.

Hầu hết các bản án không phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của vụ án từ việc phân tích các hình thức đồng phạm đơn giản - phức tạp; có thông mưu trước - không có thông mưu trước. Nhiều bản án nhận định chung chung: bọn chúng bàn nhau. Không nêu rõ nội dung bàn bạc như thế nào nên khó xác định được hình thức đồng phạm. Chỉ có 2 bản án nhắc đến các từ "có thông mưu trước", "không có dự định trước".

Tóm lại, việc nghiên cứu một số tồn tại, vướng mắc trong việc xác định trách nhiệm hình sự đối với người thực hành cho phép chúng ta rút ra một số nguyên nhân cơ bản của thực trạng này như sau:

** Nguyên nhân khách quan:*

- Với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội hiện nay, nhất là trong thời kỳ mới hội nhập, các quan hệ nảy sinh ngày càng đa dạng; theo đó tình hình tội phạm ngày càng gia tăng. Số lượng cũng như tính chất phức tạp của các vụ án hình sự tăng lên rất nhiều. Một vụ án nhưng có thể có nhiều hành vi xâm hại nhiều quan hệ được pháp luật bảo vệ; mỗi vụ án có thể có rất nhiều bị cáo với nhiều loại hành vi khác nhau cùng tham gia, thậm chí có nhiều loại hành vi rất khó đánh giá, nhận biết đã xâm hại mối quan hệ nào, cấu thành tội danh nào. Việc xử lý đối với những vụ án này cũng khó khăn, phức tạp. Một loại người tham gia việc phạm tội nhưng có thể ở nhiều dạng hành vi, ở nhiều giai đoạn phạm tội khác nhau tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể nên rất khó nhận biết.

- Quy định về đồng phạm nói chung, người thực hành nói riêng còn ở mức độ khái quát nên có thể dẫn đến những cách hiểu, cách suy đoán khác nhau khi áp dụng vào các tình huống thực tế.

Có thể thấy, đây là nguyên nhân rất quan trọng, vì chế định về đồng phạm nói chung và người thực hành trong đồng phạm nói riêng là cơ sở pháp lý cho cơ quan xét xử trong xác định tội danh, áp dụng hình phạt đảm bảo tính đúng đắn và thống nhất.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Trước hết, đó là sự nhận thức về người thực hành và những loại người trong đồng phạm của những người tiến hành tố tụng có sự khác nhau. Cùng một nội dung quy định trong pháp luật nhưng có nhiều cách hiểu, nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Trong cùng một trường hợp thực tế, có người xác định vai trò này, có người lại xác định tư cách khác. Hoặc

trong những trường hợp khác nhau nhưng hành vi có cùng bản chất, việc xác định tội danh, trách nhiệm hình sự cũng khác nhau. Về hình thức đồng phạm, trong cùng một vụ án phạm tội có đồng phạm, có quan điểm cho rằng phạm tội có tổ chức, có quan điểm cho rằng chỉ là đồng phạm phức tạp. Từ đó, khi so sánh giữa các vụ án có đồng phạm với nhau, lại tồn tại thêm các quan điểm khác nhau.

- Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số bộ phận cán bộ, công chức cơ quan xét xử còn hạn chế dẫn đến việc vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết vụ án hình sự không được chính xác. Việc nhận thức các vấn đề của luật nội dung có nơi còn chưa thống nhất dẫn tới áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng các quy định về chế định đồng phạm còn có sự nhầm lẫn, hời hợt. Các bản kết luận điều tra, cáo trạng, luận tội và đặc biệt là bản án chưa có đánh giá chưa thỏa đáng về vị trí, vai trò của các bị cáo trong các vụ án có đồng phạm, về nội dung và hình thức của đồng phạm. Điều này cũng có một phần nguyên nhân là do số lượng cán bộ có chuyên môn trong các cơ quan tiến hành tố tụng không đủ để giải quyết, đặc biệt là ngành Tòa án, nhiều địa phương thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ và bổ nhiệm Thẩm phán. Điều này đã tạo ra áp lực công việc rất lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ, công tác xét xử. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án chưa được chú trọng, chưa có sự đổi mới về cách thức tiến hành và giáo trình tập huấn, chưa đảm bảo được sự đầu tư đúng mức.

2.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về các hình thức đồng phạm

2.3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các hình thức đồng phạm

Như vậy, chúng tôi cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về chế định đồng phạm, góp phần khắc phục những kẽ hở, lỗ hổng của chế định, loại trừ những quy định chưa rõ ràng, lạc hậu, không chính xác về khoa học, không phù hợp với thực tiễn, cũng như cập nhật những quan điểm, chính sách, đường lối mới trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Hoàn thiện PLHS về đồng phạm là cần thiết để khắc phục các hạn chế đã chỉ ra, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm do nhiều người cùng thực hiện, tội phạm thực hiện theo các hình thức đồng phạm nói riêng.

Về các quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

(i), Về kết cấu điều luật: Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự hiện hành quy định về trường hợp đồng phạm. Điều 20 Bộ luật Hình sự mô tả trường hợp đồng phạm nói chung và một trường hợp đồng phạm đặc biệt. Với cách quy định này, đồng phạm được xác định là hình thức phạm tội cố ý đặc biệt so với hình thức phạm tội cố ý thông thường chỉ do một người thực hiện.

Do đó, cần sửa đổi, đưa nội dung xác định dấu hiệu của người thực hiện, những người tham gia thực hiện tội phạm và mức độ trách nhiệm của người tham gia thực hiện tội phạm trong mối quan hệ với người thực hành lên thành (điều) khoản đầu tiên. Tiếp đó là quy định hình thức phạm tội đồng phạm và trường hợp đặc biệt của hình thức phạm tội này là phạm tội có tổ chức.

(ii), Khoản 1 Điều 20 Bộ luật hình sự quy định: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”. Trong quy định này, thuật ngữ “trường hợp” được sử dụng có ngoại diên quá rộng, rất khó thống nhất áp dụng theo logic hình thức, thì việc đưa ra khái niệm là một thao tác logic nhằm vạch ra nội hàm của khái niệm đó và phương pháp phổ biến là phương pháp định nghĩa theo quan hệ giống - loài, tức là quy khái niệm đồng phạm vào khái niệm khác có ngoại diên rộng hơn bao hàm cả ngoại diên đồng phạm.

Vì vậy, nên sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Bộ luật hình sự theo hướng: “*Đồng phạm là hình thức phạm tội do hai người trở lên cố ý cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm...*”.

(iii), Khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự quy định: “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*”. Quy định trên chưa tuân thủ đầy đủ quy tắc của logic hình thức.

Thuật ngữ “câu kết” không chính xác bằng “cấu kết” là thuật ngữ mà các văn bản pháp luật hình sự của ta đã sử dụng nhất là trong các Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sau năm 1945. Mặt khác, thuật ngữ cấu kết trong Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh được giải thích là kết lại, xây dựng, cho nên dùng thuật ngữ cấu kết chính xác hơn. Cụm từ câu kết chặt chẽ mang tính chất định tính, có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau. Do đó, trong văn bản hướng dẫn, giải thích Bộ luật hình sự cần phải lượng hóa đặc điểm này để bảo đảm áp dụng thống nhất. Từ sự phân tích ở trên cũng như qua nghiên cứu thực tiễn xét xử, có thể sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 theo hướng diễn đạt rõ là “đồng phạm có tổ chức” thay vì “phạm tội có tổ chức”, coi đây là một trường hợp đặc biệt của hình thức phạm tội là đồng phạm và nội hàm của khái niệm “đồng phạm có tổ chức” được hiểu như sau: “*Đồng phạm có tổ chức là hình thức*

phạm tội có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm... ”.

(iv), Về thuật ngữ luật hình sự trong chế định TNHS trong đồng phạm:

- Thuật ngữ “người thực hành” cần được sửa đổi thành “người thực hiện”.

Bởi vì, thực hành có thể được hiểu theo hai nghĩa: Áp dụng lý thuyết vào thực tế và nghĩa vụ thực hiện. Thuật ngữ “người thực hành” theo BLHS được hiểu theo nghĩa “người thực hiện”. Do đó, việc sửa đổi thuật ngữ “người thực hành” thành “người thực hiện” làm cho thuật ngữ rõ ràng hơn.

(v), Về nội dung điều luật quy định định nghĩa người đồng phạm: Còn quá đơn giản và chưa đầy đủ, cần bổ sung thêm, cụ thể như sau:

- Dạng người thực hiện tội phạm thông qua người khác mà người này không phải chịu TNHS đã có trong lý luận khoa học và thực tiễn, trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, nhưng chưa chính thức được ghi nhận trong định nghĩa về người thực hành. Trong BLHS cũng chưa ghi nhận thuật ngữ “người đồng thực hiện” trong khi đó đây là loại người đồng phạm xảy ra tương đối phổ biến trong thực tiễn.

- Định nghĩa người tổ chức (Điều 20) liệt kê các dạng người tổ chức, nhưng tên gọi trừu tượng và cũng không được định nghĩa chính thức trong BLHS - chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy. Nhà làm luật đã sử dụng những thuật ngữ không rõ để định nghĩa cho thuật ngữ chưa biết.

- Định nghĩa người xúi giục (Điều 20) liệt kê một số thủ đoạn của người xúi giục có thể thực hiện: Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy. Việc liệt kê như vậy chưa khái quát được các dấu hiệu cơ bản của người xúi giục mà chỉ phản ánh được một số biểu hiện cụ thể.

(vi), Về việc quy định về tổ chức tội phạm cũng như trách nhiệm của người thành lập và tham gia tổ chức tội phạm, hiện nay mới chỉ có quy định tại Điều 3. Nguyên tắc xử lý BLHS năm 2015 về nguyên tắc xử lý, theo đó “Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” và “Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Trong khi đó, ở Việt Nam, thực tiễn đấu tranh chống tội phạm nói chung và đặc biệt tội phạm do các băng, nhóm tội phạm gây ra ngày càng tăng. Bên cạnh đó, với trách nhiệm của quốc gia thành viên Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Việt Nam không thể đi ngược với xu hướng chung của thế giới là tăng cường đấu tranh chống tội phạm có tổ chức bằng việc đưa vào BLHS quy định tổ

chức tội phạm trong Phần chung, bổ sung tội danh thành lập và tham gia tổ chức tội phạm trong Phần các tội phạm. Theo đó, người thành lập, người tham gia tổ chức tội phạm phải chịu TNHS về hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm được quy định trong Phần các tội phạm của BLHS. Ngoài ra, người thành lập, tham gia tổ chức tội phạm còn phải chịu TNHS về tội phạm cụ thể do tổ chức tội phạm thực hiện. Theo chúng tôi, cần đưa vào Bộ luật hình sự vấn đề tổ chức tội phạm, đó là “nhóm gồm từ ba người trở lên có sự liên kết, phân cấp tương đối chặt chẽ, ổn định, lâu dài giữa các thành viên nhằm mục đích thực hiện các tội phạm”. Luật cũng nên quy định người thành lập, người tham gia tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm theo quy định tại Phần các tội phạm của Bộ luật này. Ngoài ra, người thành lập còn phải chịu trách nhiệm hình sự là người tổ chức về các tội phạm cụ thể mà tổ chức tội phạm thực hiện. Người tham gia còn phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm cụ thể mà tổ chức tội phạm đã thực hiện và họ cũng là người thực hiện hoặc tham gia thực hiện.

(vii), Cần có quy định về chủ thể đặc biệt trong đồng phạm. Đối với các tội phạm đòi hỏi chủ thể đặc biệt thì chỉ riêng đối với người thực hiện phải có những đặc điểm của chủ thể đó còn những người đồng phạm khác không cần phải có đặc điểm của chủ thể đặc biệt.

2.3.2. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm về các hình thức đồng phạm

**** Về áp dụng pháp luật***

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về đồng phạm tạo cơ sở pháp lý và là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xác định chính xác vai trò trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án hình sự. Tuy nhiên xác định có chính xác hay không còn phụ thuộc vào quá trình vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết từng vụ án cụ thể. Như đã trình bày ở trên, thực tế, hoạt động áp dụng pháp luật không phải lúc nào cũng luôn đúng đắn. Để góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động này, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp khắc phục như:

**** Về công tác cán bộ***

Để áp dụng đúng các quy định của pháp luật; giải quyết vụ án hình sự một cách nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện, ngoài việc phải hoàn thiện pháp luật, chúng ta cần quan tâm đến công tác cán bộ với những nội dung sau:

Tóm lại, việc hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và pháp luật hình sự

quy định về đồng phạm nói riêng là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách hiện nay. Đây là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực thi pháp luật hình sự ngày càng hoàn thiện, thống nhất. Có như vậy, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành pháp nói chung và các cơ quan xét xử nói riêng mới ngày càng được củng cố, đảm bảo cao nhất pháp chế và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa trong việc duy trì, bảo vệ trật tự an ninh xã hội của đất nước.

Tiểu kết Chương 2

Vấn đề nổi cộm khi nghiên cứu việc áp dụng các quy định của BLHS về đồng phạm trong thực tiễn xét xử chính là chưa có nhận thức thống nhất về những dấu hiệu khách quan và chủ quan của đồng phạm, dẫn tới xác định lẫn lộn giữa có hay không có đồng phạm; tuyệt đối hóa tính nguy hiểm của phạm tội dưới hình thức đồng phạm so với phạm tội đơn lẻ; nhầm lẫn giữa thuật ngữ đồng phạm với tòng phạm và tòng phạm trước đây, coi người đồng phạm chỉ là kẻ a dua, a tòng, giữ vai trò phụ trong vụ án; việc áp dụng tình tiết "câu kết chặt chẽ" trong phạm tội có tổ chức chưa thống nhất dẫn tới xét xử không công bằng... Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, trong đó nguyên nhân thiếu các quy định về đồng phạm, các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật không kịp thời là những nguyên nhân cơ bản cần tập trung khắc phục.

Đồng phạm là chế định lớn, cơ bản trong Luật hình sự Việt Nam. Để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS 1999 về đồng phạm trước tiên phải phấn đấu xây dựng được một hệ thống các quy phạm pháp luật hình sự về đồng phạm hoàn chỉnh, đáp ứng được yêu cầu của khoa học pháp lý và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Cần kịp thời có văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền để đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra.

KẾT LUẬN

Đồng phạm là chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lý để đấu tranh phòng chống các loại tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm. Trong các hình thức đồng phạm thì phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thủ đoạn cũng như hành vi phạm tội tinh vi và phức tạp nhất, có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao. Do vậy, việc nghiên cứu về mặt lý luận để ban hành những văn bản quy định liên quan đến chế định đồng phạm là rất quan trọng.

Lịch sử lập pháp của Việt Nam từ xưa tới nay, vấn đề đồng phạm và đã được đề cập, nghiên cứu ở nhiều công trình, tác phẩm với những khía cạnh khác nhau. Các công trình, tác phẩm này đều hướng tới mục tiêu chung nhất là ngày càng hoàn thiện lý luận về mặt khoa học đối với các vấn đề liên quan đến đồng phạm để từ đó có được các quy phạm pháp luật xử lý một cách chính xác, đúng đắn nhất hành vi của những người đồng phạm. Để đạt được mục đích như vậy, Luật hình sự Việt Nam đã trải qua một quá trình dài kế thừa, phát triển, phát huy những kiến thức khoa học của nhiều thế hệ; học hỏi, tiếp thu những kiến thức về khoa học Luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tuy nhiên, các hình thức đồng phạm là rất đa dạng, phong phú, phức tạp. Điều đó đòi hỏi các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn phải luôn tìm tòi, nghiên cứu để bao quát cũng như dự báo được những thiên hướng tội phạm được thực hiện bởi đồng phạm; lý giải và đưa ra được những giải pháp xử lý hành vi phạm tội ngày càng phức tạp, tinh vi và bền chặt của những người đồng phạm trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Trong nhiều năm gần đây, các vụ án có đồng phạm và đặc biệt các vụ án có đồng phạm có tổ chức hay tổ chức tội phạm lớn xuyên quốc gia đã xuất hiện và ngày càng đã tăng lên đáng kể với mức độ nguy hiểm về tính chất tội phạm và mức độ phức tạp về hành vi ngày càng cao, gây nên những hậu quả nặng nề về nhiều mặt cho đời sống xã hội. Các quy định của pháp luật cũng như lý luận đối với một số vấn đề liên quan đến đồng phạm theo Bộ luật Hình sự năm 1999 đã bộc lộ quá nhiều bất cập khi áp dụng cụ thể vào việc xét xử đối với những hành vi cụ thể của đồng phạm.

Vì vậy nghiên cứu, hoàn thiện những vấn đề liên quan đến đồng phạm là công việc rất cần thiết, góp phần to lớn vào việc hoàn thiện pháp luật nói chung đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp cũng như phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

Với mong muốn góp phần của mình vào việc hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với chế định đồng phạm, tác giả hy vọng những kiến nghị, giải pháp được nêu tại luận văn này sẽ được các nhà nghiên cứu, các học giả tham khảo, xem xét trong tiến trình hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và pháp luật liên quan đến chế định đồng phạm nói riêng.